

KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

QUYỂN 4

Phẩm 18: SÁU BA LA MẬT

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Như Ngài đã dạy, cúng dường sáu phương là sáu Ba-la-mật. Người cúng dường sáu phương như vậy, sẽ tăng trưởng tài vật và tuổi thọ, người như vậy, có những hành tướng gì?

Phật dạy:

- Nay thiện nam! Nếu không tham tiếc tất cả tài vật, thường làm lợi ích cho tất cả mọi người, thường nhớ đến việc bố thí và ưa thực hành bố thí, có bao nhiêu đem ra bố thí bấy nhiêu, không luận nhiều hay ít. Trong lúc thực hành bố thí, đối với thân mạng, tài vật không nên khinh thường, phải thanh tịnh bố thí không lựa chọn người giữ giới hay phá giới, khen ngợi pháp bố thí, thì thấy người thực hành bố thí vui mừng không ganh ghét, thấy người ăn xin đến khởi tâm vui mừng đứng dậy, đón tiếp lễ phép, lấy ghế mời ngồi, người kia có thưa hỏi hay không thưa hỏi cũng liền khen ngợi phước báo của sự bố thí, thấy người khiếp sợ, thì bảo hộ cho họ. Ở những nơi đói khát, thì nên bố thí thực phẩm ăn uống. Làm việc bố thí, không mong cầu phước báo, bố thí không mong cầu trả ơn, không gạt chúng sanh, luôn khen ngợi công đức Tam Bảo, không nên dùng cân già non, hoặc trộn những vật rẻ tiền để dối gạt người, không ưa uống rượu, cờ bạc và tham dục, thường tu đức hổ thẹn, dù có giàu sang tâm cũng không buông lung, thường làm việc bố thí không khởi tâm kiêu mạn.

Nay thiện nam! Người có những đức tính như vậy, nên biết, người này có thể cúng dường, Bố thí Ba-la-mật.

Nay thiện nam! Nếu có người thanh tịnh được thân, khẩu và ý, thường tu tâm dịu dàng, không làm tội lỗi, giả sử có tạo tội lỗi thường sanh hổ thẹn, hối lỗi tin tạo nghiệp sẽ bị quả báo, tu tập việc lành tâm sanh vui mừng, đối với tội nhỏ cho là rất lớn, giả sử đã lỡ làm, thì

khiếp sợ lo buồn, hối hận, không bao giờ đánh chửi, giận dữ, hại các chúng sanh, trước phải nắm biết ý người, sau mới nói lời dịu dàng, thấy chúng sanh tâm luôn thương mến, biết ơn trả ơn, tâm không bòn sẻn, không dối gạt chúng sanh, làm ra tài vật đúng như chánh pháp và ưa làm phước đức, công đức tạo ra thường đem giáo hoá người, thấy người nghèo khổ đích thân chịu thế, thường tu tâm từ, thương mến tất cả, thấy người làm ác, thường tìm cách ngăn cản, thấy người làm lành, thì khen ngợi công đức và nói về phước quả, hoặc dùng thân lực đến chỗ người buôn bán, kinh doanh mà phụ giúp, thân thà mất tự tại để người khác được tự tại, thường xa lìa tâm giận dữ, hoặc có lúc vừa khởi lên, liền biết và hổ thẹn! Lời nói luôn chân thật và dịu dàng, tránh xa lời nói hai lưỡi và lời nói không có ý nghĩa.

Này thiện nam! Người có đức tướng như vậy, nên biết, người ấy có thể cúng dường Giới Ba-la-mật.

Này thiện nam! Có người thực hành thanh tịnh thân, khẩu và ý, giả sử chúng sanh đem điều ác đến vu khống, quyết không khởi một niệm giận dữ và quyết không dùng điều ác để trả thù. Nếu người ấy đến xin lỗi, liền hoan hỷ và tha thứ. Lúc nhìn ngắm chúng sanh, tâm thường vui mừng, thấy người làm ác, sanh tâm thương xót, khen ngợi kết quả của sự nhẫn nhục, thường hay quở trách về sự giận dữ; giảng nói về quả báo của sự giận dữ là có nhiều khổ đau, độc ác, lúc tu bố thí phải nhẫn chịu, trước hết là đối với oan gia, phải quán sát họ chỉ là năm ấm và do các duyên hoà hợp mà tạo thành, tại sao ta lại giận dữ? Quán sát về sự giận dữ, chính là nhân duyên chịu khổ trong nhiều đời sau, nếu tâm lỡ phát khởi giận dữ, thì liền ăn năn, lo sợ, hối hận, thấy người khác nhẫn nhục hơn mình, không sanh tâm ganh ghét.

Này thiện nam! Người có đức tướng như vậy, nên biết, người này có thể cúng dường Nhẫn Ba-la-mật.

Này thiện nam! Nếu có người không biếng nhác, không thọ hưởng, không tham, không ưa thích các cảnh vui như ngồi, nằm. Khi làm công đức, thì một việc lớn, cũng như một việc nhỏ, hễ làm là quyết làm cho xong. Trong lúc làm việc không để ý đến sự đói khát, nóng lạnh, đúng thời hay không đúng thời, không xem thường mình, việc lớn chưa xong, không khởi tâm ăn năn. Lúc làm xong rồi, tự mừng là có thể làm hoàn thành, khen ngợi tinh tấn có nhiều phước báo, đúng như chánh pháp làm ra của cải, trong lúc đem dùng phải sao cho hợp đạo lí, thấy người tinh tấn theo lối tà ngụy, khéo nói quả báo hung dữ cho họ, khéo dạy chúng sanh tu hạnh tinh tấn, việc làm chưa xong, giữa chừng không

ngừng nghỉ, khi tu pháp lành, không nghe lời người khác. Đây thiện nam! Người có đức tướng như vậy, nên biết, người này có thể cúng dường Tinh tấn Ba-la-mật.

Này thiện nam! Nếu người có thể thanh tịnh thân, khẩu, ý thích nơi yên vắng hoặc hang sâu, rừng núi hay nhà trống vắng, không thích ngồi nơi đông người, ồn ào và tham đắm ngoạ cụ, không thích nghe chuyện của thế gian, không thích tham lam, sân hận, si mê, trước khi muốn nói gì phải dùng lời dịu dàng, thường ưa xuất gia, giáo hoá chúng sanh, có ít phiền não, lại xa lìa tư tưởng ác, thấy kẻ oán thù tu đức từ tâm, ưa nói phước báo của sự thiên định, tâm nếu buông lung loạn động, liền lo sợ hổ thẹn, ăn năn; thấy người tu định tà nguy chỉ ra tội lỗi việc làm của họ; khéo dạy chúng sanh để đưa họ vào trong chánh định. Đây thiện nam! Người có đức tướng như vậy, nên biết người này có thể cúng dường Thiên định Ba-la-mật.

Này thiện nam! Nếu có người thanh tịnh được thân, khẩu, ý, học hết tất cả các việc thế gian, đối với tham, sân, si tâm không đắm chấp, không cuồng loạn, thương các chúng sanh, thường cúng dường cha mẹ, Sư trưởng, Hoà thượng, Trưởng lão và các bậc tôn túc có đức hạnh, tu pháp không buông lung, trước khi nói gì đều dùng lời dịu dàng, không đối gạt chúng sanh, có thể phân biệt được chánh đạo, tà đạo và khéo biết rõ quả báo thiện ác, thường thích nơi thanh vắng, xuất gia tu đạo, thường đem việc đời, để dạy bảo chúng sanh, thấy người học giỏi hơn mình, không khởi tâm ganh ghét, mình có hơn người khác cũng không khởi tâm kiêu mạn, chịu khổ không buồn, hưởng vui không mừng.

Này thiện nam! Người có đức tướng như vậy, nên biết người này có thể cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Này thiện nam! Trong mỗi phương đều có bốn điều:

Phương Bố thí có bốn: 1. Là điều phục chúng sanh. 2. Là xa lìa đối ngại. 3. Là lợi mình. 4. Là lợi người. Nếu người nào, đối với tài vật, không sanh lòng tham tiếc, cũng không phân biệt kẻ oán người thân, đúng thời hay không đúng thời, thì người ấy, có thể điều phục được chúng sanh. Nhờ đối với tài vật không có tham tiếc, cho nên có thể thực hành bố thí, vì thế lìa được tâm ác bợn sển, trong khi bố thí và sau khi bố thí đều vui mừng, không hối hận, do đó, đời sau hưởng thọ cảnh an vui của cõi Trời, Người và cảnh càng an vui vi diệu hơn nữa, ấy gọi là tự lợi. Nếu có thể khiến cho người khác xa lìa đói khát, khổ sở, ấy gọi là lợi tha.

Phương Trì giới có bốn: 1. Trang nghiêm Bồ-đề, 2. Là đối ngại,

3. Tự lợi. 4. Lợi tha. Trang nghiêm Bồ-đề, là giới Ưu-bà-tắc, đến giới Bồ-tát có thể làm nền móng cho sơ địa đến Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là trang nghiêm. Đã thọ giới rồi, lại được xa lìa giới ác và không giới, đó là xa lìa đối ngại. Đã thọ trì giới rồi, thì được sự cảnh an vui Trời, Người và lại được đến cảnh an vui vi diệu hơn nữa, đó là tự lợi. Đã thọ giới rồi, thì làm cho chúng sanh không sợ hãi, khiến cho chúng sanh đều xa lìa tất cả đau khổ, được vui, đó là lợi tha.

Phương Nhẫn nhục có bốn: 1. Trang nghiêm Bồ-đề. 2. Lìa sự đối ngại. 3. Tự lợi. 4. Lợi tha. Trang nghiêm Bồ-đề là: Nhờ nhẫn nhục được, tu pháp lành, nhờ tu pháp lành nên được từ sơ địa cho đến Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là trang nghiêm. Đã tu Nhẫn rồi, thì xa lìa giận dữ, đó là xa lìa đối ngại. Nhờ nhân duyên nhẫn nhục mà hưởng được cảnh an vui cõi trời, người và còn được an vui cao hơn nữa, đó là tự lợi. Nhờ nhân duyên nhẫn nhục, nên mọi người sanh tâm vui mừng, tâm lành, tâm điều phục, đó gọi là lợi tha.

Phương Tinh tấn có bốn điều: 1. Trang nghiêm Bồ-đề. 2. Xa lìa đối ngại. 3. Tự lợi. 4. Lợi tha. Trang nghiêm Bồ-đề, nghĩa là nhờ nhân duyên tinh tấn, nên được tu pháp lành, nhờ tu pháp lành, mà được sơ địa cho đến quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là trang nghiêm Bồ-đề. Khi tu pháp lành, thì xa lìa được biếng nhác, đó là lìa đối ngại. Nhờ tu pháp lành, nên được hưởng cảnh an vui Trời, Người và còn an vui cao hơn nữa, đó là tự lợi. Dạy bảo chúng sanh, xa lìa pháp ác, đó là lợi tha.

Phương Thiền định cũng có bốn: 1. Trang nghiêm Bồ-đề. 2. Lìa sự đối ngại. 3. Tự lợi. 4. Lợi tha. Trang nghiêm Bồ-đề, nghĩa là nhờ tu Thiền định như vậy, nên được từ sơ địa cho đến Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là trang nghiêm. Do thiền định, mà tu được nhiều pháp lành, xa lìa được nhữn suy nghĩ xấu ác, đó là lìa sự đối ngại. Nhờ nhân duyên tu thiền định, thường ưa nơi thanh vắng mà được hưởng cảnh an vui cõi trời, người và cao hơn nữa, đó là tự lợi. Đoạn trừ tham, sân, si của các chúng sanh, đó là lợi tha.

Phương Trí tuệ có bốn: Trang nghiêm Bồ-đề. Lìa sự đối ngại. Tự lợi. Lợi tha. Trang nghiêm Bồ-đề, nhờ tu trí tuệ mà được sơ địa cho đến Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là trang nghiêm Bồ-đề. Do tu Trí tuệ nên xa lìa vô minh, khiến các phiền não không được lan rộng, đó là xa lìa đối ngại. Trừ được phiền não chướng và sở tri chướng, đó là tự lợi. Dạy bảo chúng sanh, khiến được điều phục, đó là lợi tha.

Này thiện nam! Hoặc có thuyết nói; Lìa giới không nhẫn nhục,

lìa trí tuệ không thiên định, cho nên chỉ nói có bốn Ba-la-mật; nghĩa là nếu nhìn người hung dữ, không đáp trả, tức là Giới; hoặc tu thiên định, tâm không buông lung, tức là trí tuệ. Vì thế, giới tức là nhẫn, tuệ tức là Định, lìa Tuệ không có Định, lìa Định không có tuệ, vì thế Tuệ tức là Định, Định tức là Tuệ, lìa Giới không có Tinh tấn, lìa Tinh tấn không có Giới, vì thế Giới tức là Tinh tấn, Tinh tấn tức là Giới. Lìa Bố thí không có Tinh tấn, lìa Tinh tấn không có Bố thí, vì thế Bố thí tức là Tinh tấn, Tinh tấn tức là bố thí, cho nên không có sáu Ba-la-mật. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì Trí Bát nhã là nhân, Bố thí là quả, Tinh tấn là nhân, trì giới là quả, thiên định là nhân, nhẫn nhục là quả, mà nhân với quả không được làm một, nên phải có sáu Ba-la-mật. Nếu có thuyết nói: Giới tức là Nhẫn, Nhẫn tức là Giới... nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao? Vì Giới là từ người khác mà lãnh thọ, còn Nhẫn thì không phải như vậy, có người không thọ Giới mà nhẫn nhịn được điều ác, vì mọi người tu tập pháp lành, nhẫn nhịn vô số khổ não, nhiều đời thay thế chúng sanh chịu nhiều khổ não, tâm không hối hận, thối lui, cho nên lìa Giới, nhưng lại có Nhẫn nhục.

Này thiện nam! Tam muội tức là Thiên định, Trí tuệ tức là Quán, Thiên định là duyên vào một cảnh, không loạn động, quán là hay phân biệt, vì thế, trong mười hai bộ kinh, Như Lai nói Định khác với Tuệ. Nên biết, chắc chắn có sáu Ba-la-mật. Như Lai, sở dĩ đầu tiên nói Bố thí Ba-la-mật, vì để điều phục chúng sanh. Do lúc bố thí, phải lìa tâm tham, cho nên thứ đến mới nói Giới Ba-la-mật. Lúc bố thí tâm có thể Nhẫn, Xả, Ly. Do vậy, tiếp đến nói Nhẫn Ba-la-mật, vì lúc bố thí tâm an vui, không quán đến thời tiết, vì thế, kế tiếp nói Tinh tấn Ba-la-mật, lúc bố thí tâm chuyên nhất, không có loạn tưởng, nên tiếp sau đó nói Định Ba-la-mật. Vì lúc Bố thí không vì thọ nhận vui sanh tử; cho nên, kế tiếp nói trí Tuệ Ba-la-mật.

Này thiện nam! Thế nào gọi là Ba-la-mật? Lúc bố thí không mong cầu phước báo trong hay ngoài thân, không quán phước điền hay không phước điền, bố thí tất cả tài vật, tâm không bòn sẻn, không lựa thời tiết, cho nên gọi là Bố thí Ba-la-mật. Cho đến một tội nhỏ, dù có vì thân mạng cũng không huỷ phạm, do vậy gọi là Giới Ba-la-mật. Cho đến người ác đâm cắt thân thể, mà vẫn an nhiên, không giận dữ, nên gọi là Nhẫn ba-la-mật. Trong suốt ba tháng, dùng một bài kệ, khen ngợi đức Phật không có dừng nghỉ, gọi là Tinh tấn Ba-la-mật. Được đầy đủ tam muội Kim cang, gọi là Thiên định ba-la-mật. Này thiện nam! Khi được Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thành tựu đầy đủ sáu Ba-la-mật,

nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia và Xuất gia. Bồ-tát xuất gia, có thể thanh tịnh sáu Ba-la-mật không lấy làm khó, Bồ-tát tại gia, thanh tịnh sáu Ba-la-mật mới thật là khó. Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 19: BỐ THÍ

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát đã tu sáu Ba-la-mật, vì chúng sanh có thể làm những việc gì?

- Nay thiện nam! Nếu Bồ-tát đã tu như vậy, thì hãy cứu vớt chúng sanh đang chìm đắm trong biển khổ sanh tử.

Nay thiện nam! Nếu có người, đối với tài vật và các thực phẩm ăn uống khởi lòng bồng sển, thì nên biết người này, trong vô lượng kiếp đã bị quả báo ngu si, nghèo khổ, do vậy, Bồ-tát lúc mới tu hạnh Bồ thí Ba-la-mật cần làm lợi ích cho mình và cho người.

Nay thiện nam! Nếu người ưa bố thí, thì đối với tất cả kẻ oán thù đều phải xem như người thân, người không được tự tại đều làm cho tự tại, tin vào nhân quả của sự bố thí, tin vào nhân quả của sự trì giới, thì người ấy mới được phước quả của sự bố thí.

Nay thiện nam! Có người nói Bồ thí tức là ý. Vì sao? Vì ý, tức là căn bản của bố thí, nghĩa này không đúng! Vì bố thí tức do năm ấm, do thân, khẩu, ý đầy đủ mà bố thí. Bồ thí nếu vì tự lợi và lợi tha, hay chỉ lợi tha thì cũng phải đầy đủ năm ấm, bố thí như vậy có thể trang nghiêm đạo Bồ-đề, xa lìa phiền não, được nhiều của cải, đó gọi là kết quả chánh đáng của sự bố thí. Sống lâu, xinh đẹp, mạnh khỏe, an vui, có biện tài, gọi là kết quả phụ của sự bố thí. Phước quả của sự bố thí có khi vì tài vật bố thí thù thắng, nên phước quả thù thắng, cũng có khi phước điền thù thắng, nên được phước quả thù thắng, hoặc có khi thí chủ thù thắng, nên được quả thù thắng. Tu hành hướng đến quả Tu-đà-hoàn, đến thân cuối cùng là Bồ-tát, cho đến thành Phật, gọi là phước điền thù thắng, bố thí cho người phước điền như vậy, nên được quả báo thù thắng. Nếu có người bố thí tài vật đầy đủ sắc, hương, vị, xúc quý nhất, ấy là tài vật thù thắng, nhờ bố thí tài vật thù thắng nên được phước quả thù thắng. Nếu có thí chủ tín tâm thuần thực, với sự bố thí, giữ giới, nghe nhiều, trí tuệ thì được phước báo thù thắng.

Nay thiện nam! Người có trí bố thí có năm hạng: Chí tâm bố thí. Tự tay đưa vật bố thí. Tín tâm bố thí. Theo thời tiết bố thí. Đúng như pháp làm ra tài vật bố thí.

Nay thiện nam! Người có chí tâm bố thí được kết quả gì? Nếu người chí tâm bố thí sẽ được nhiều của cải quý, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, ngọc báu, san hô, voi, ngựa, bò, dê, ruộng vườn, nhà cửa, nô tỳ và nhiều người thân thuộc, người chí tâm bố thí, được phước như vậy. Người tự tay đưa vật bố thí được kết quả gì? Người chính tay mình trao

vật bố thí cho người được phước báo cũng như trên. Người tín tâm bố thí, được kết quả gì? Người tín tâm bố thí sẽ được phước báo cũng như ở trên, thường được cha mẹ, anh em, thân thuộc, tất cả chúng sanh yêu mến, người tín tâm bố thí được phước báo như vậy. Người theo thời tiết bố thí cũng được phước báo gì? Người theo thời tiết bố thí cũng như trên và những tài vật cần dùng cứ theo thời mà có được, người theo thời tiết bố thí gồm phước báo như vậy. Người đúng như pháp bố thí, thì được kết quả gì? Người đúng như pháp bố thí, được phước báo, cũng như nói ở trên, nhưng khi được tài vật rồi, không bị vua quan, giặc cướp, nước lửa cướp đoạt.

Nếu có người dùng màu sắc tốt đẹp bố thí, nhờ nhân duyên ấy, được thân hình tươi đẹp; nếu người dùng hương thơm bố thí, nhờ nhân duyên ấy, tiếng tốt đồn xa; nếu người dùng vị ngon bố thí, nhờ nhân duyên ấy, mọi người thích thấy, nghe, khi đã được nghe thấy rồi, lại đem lòng thương mến; nếu người đem xúc bố thí, nhờ nhân duyên ấy, được xúc đẹp thù thắng, người nhận đã rồi, thì được sống lâu có sắc đẹp, mạnh khỏe an vui và có biện tài.

Này thiện nam! Có người nói: Bố thí nơi tháp, tượng, sẽ không được phước báo, sống lâu, xinh đẹp, mạnh khỏe, an vui và có biện tài, vì không có người thọ nhận. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì có tín tâm. Thí chủ đã có tín tâm thực hành bố thí, do đó được năm phước báo như trên.

Này thiện nam! Ví như có Tỳ-kheo, tu tập tâm từ, như vậy tâm từ đó thật không có sự thọ học, nhưng cũng đạt được vô lượng phước báo. Bố thí tháp, tượng cũng như vậy, tức cũng được năm phước báo.

Này thiện nam! Do phước điền mà có đủ các loại phước báo. Vì vậy, mà Như lai nói, phước điền được quả báo, tài vật được quả báo, thí chủ được quả báo.

Này thiện nam! Bố thí có hai thứ: Một là Bố thí pháp, hai là Bố thí tài vật. Bố thí pháp thì được phước báo cả hai là pháp và tài. Còn Bố thí tài vật, chỉ duy nhất trở lại được phước báo tài vật quý.

Là Bồ-tát phải tu hành cả hai pháp Bố thí ấy, coi đó là hai việc làm có thể giúp chúng sanh xa lìa được khổ não; giúp chúng sanh điều phục tâm mình.

Này thiện nam! Lại cũng có ba loại Bố thí; Một là bố thí pháp; hai là bố thí điều không sợ hãi; ba là bố thí tài vật. Dùng bố thí pháp là dạy cho người khác xuất gia, thọ giới, bạch tứ Yết ma, tu đạo; thuyết giảng chánh pháp để phá bỏ tà kiến, thường giảng giải rõ ràng điều chân thật

và điều không chân thật, nêu bày về bốn điền đảo và không buông lung, đó gọi là bố thí pháp. Nếu có chúng sanh sợ hãi vua quan, hay các loài sư tử, cọp, báo, hay các nạn lửa, nước; hay sợ hãi đạo tặc... Bồ-tát thấy rồi, thì phải ra sức cứu họ ngay; đó gọi là bố thí không sợ hãi. Tự mình đối với của cải quý báu, dù đẹp, dù xấu, dù nhiều, dù ít đều phá bỏ tánh keo kiệt, không tham tiếc. Từ bò, dê, voi, ngựa, đến nhà cửa, phòng ốc, giường nằm, vườn cây, giếng nước; từ những nô tỳ, nô bộc, đến những bò, lừa, lạc đà kéo xe, từ những vật bằng đồng bằng sắt như bình, vò.. đến những vật bằng gai mịn như giường, đồ ngồi, quần áo, kể cả các chuỗi ngọc, hương hoa, đèn sáng... từ những vật kết bằng tơ lụa đẹp như rèm cửa, lọng che, màn phủ, trường kỉ... đến những vật tạc và tạo do cỏ, cây, nước, đá... hết thấy những vật ấy, có ai đến xin đều sẵn sàng đem cho. Đó gọi là bố thí tài vật.

Này thiện nam! Khi bố thí, có bốn điều hệ lụy: 1. Lòng xan tham. 2. Không tu bố thí. 3. Xem thường vật nhỏ. 4. Cầu phước báo ở thế gian. Bốn hệ lụy như vậy, có hai pháp trừ được: 1. Tu vô ngã và Tu vô thường.

Này thiện nam! Nếu muốn bố thí phải phá sạch năm điều: 1. Tâm giận dữ. 2. Tâm tham lam. 3. Tâm ganh ghét. 4. Tham tiếc thân mạng. 5. Không tin nhân quả. Nếu phá trừ được năm điều ấy, thường được an vui bố thí. Người ưa bố thí, lại được năm điều: 1. Thường không xa lìa các bậc thánh nhân. 2. Tất cả chúng sanh thích nhìn thích nghe. 3. Vào trong đại chúng không có khiếm sợ. 4. Được danh tiếng tốt. 5. Trang nghiêm Bồ-đề.

Này thiện nam! Bồ-tát là người bố thí cho tất cả. Vậy thế nào là bố thí tất cả?

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát làm ra tài vật đúng như chánh pháp là chỉ để mà bố thí; nên gọi là bố thí tất cả. Thường đem tâm thanh tịnh, mà thí cho người, gọi là thí tất cả; ít tài sản mà luôn bố thí, gọi là thí tất cả; điều mình ưa thích cũng đem ra bố thí, gọi là thí tất cả; bố thí không cầu phước báo, gọi là thí tất cả; trong lúc bố thí không quán là phước điền hay không phước điền, gọi là thí tất cả. Kể oán người thân đều bố thí bình đẳng, gọi là thí tất cả. Bồ-tát thường bố thí tài vật cho hai hạng: 1. Thí cho chúng sanh. 2. Thí cho không phải chúng sanh. Trong hai hạng ấy ban cho đến cả thân mình cũng không tham tiếc, gọi là thí tất cả. Bồ-tát bố thí do tâm thương xót, gọi là thí tất cả; trước lúc bố thí, trong lúc bố thí, sau khi bố thí không hề có hối tiếc, gọi là thí tất cả. Hoặc có khi dùng vật không thanh tịnh bố thí, để khiến cho người

trước được vui mừng. Các chất như rượu, chất độc, dao gậy, gông xiềng, v.v... hoặc được tự do dùng hay không tự do dùng quyết không đem bố thí; không bố thí cho người bệnh những thức ăn và thuốc uống không sạch, không cướp đoạt, dù chỉ một tiền của người khác, đem ra bố thí. Bồ-tát trong lúc bố thí dù có thế nào quyết không đánh đập, mắng chửi, làm cho những người tội tở giận hờn, khổ não. Bố thí tài vật đúng như chánh pháp, không mong cầu phước báo đời này hay đời sau; khi bố thí rồi thường hay soi xét tội lỗi của phiên nào, soi xét sâu xa về công đức vi diệu của Niết Bàn, ngoài đạo Bồ-đề không mong cầu gì khác. Trong lúc bố thí cho người nghèo khổ thì khởi tâm thương mến; lúc bố thí cho người phước điền thì khởi tâm cung kính; bố thí cho người thân thuộc; không xem như vật bỏ. Nếu thấy người xin, xem tướng mạo của họ mà cho, không chờ họ mở lời xin. Vì sao? Vì không đợi người cầu xin mà tự cho, thì được phước báo vô lượng!

Này thiện nam! Thí chủ có ba hạng: Thượng, trung và hạ. Người không tin nghiệp quả, thường tham lam, bòn xén, sợ tài vật hết, thấy người đến xin, sanh lòng giận dữ và muốn ngăn cấm; đó là bậc hạ. Dù có tin nghiệp quả, nhưng đối với tài vật vẫn sanh tâm tham tiếc, sợ tài vật hết, thấy người đến xin, sanh tâm ghét bỏ; đó là bậc trung. Tin sâu vào nghiệp quả; đối với tài vật không tham trước; quán các tài vật, đều là vô thường; thấy người đến xin, có của để cho, thì vui, không có để cho, là buồn; đem vật nơi thân ra bố thí; đó là bậc thượng. Lại cũng có bậc hạ, thấy người đến xin ngoảnh mặt làm lơ, hay dùng lời độc ác để mắng chửi, huỷ nhục. Lại cũng có bậc trung, mặc dù có bố thí, nhưng xem thường, không cung kính. Lại cũng có bậc thượng, người chưa xin, đã đem tài vật ra cho, với tâm cung kính. Lại có bậc hạ, chỉ cốt mong cầu phước báo hiện tại. Lại có bậc trung, chỉ vì mong cầu phước báo nơi vị lai. Lại có bậc thượng, là vì thương xót mà bố thí. Bậc hạ có kẻ vì muốn đền ơn mà bố thí. Bậc trung có kẻ, vì sự nghiệp mà bố thí. Bậc thượng có kẻ vì pháp tạng mà bố thí. Bậc hạ có kẻ vì sợ người khác hơn mình mà bố thí. Bậc trung có kẻ vì muốn mọi người cùng như ta mà bố thí. Bậc thượng không chọn kẻ oán người thân mà bố thí. Bậc hạ có tài vật nói lại không. Bậc trung có nhiều tài vật thì nói ít. Bậc thượng thì xin ít lại cho nhiều. Người Bố thí nhưng không có tài vật, cũng có ba hạng: Người thấp kém, thấy người đến xin, thì tâm ác, giận dữ, trách móc. Người bậc trung, thấy người đến xin, nói thẳng không có. Người bậc thượng, thấy người đến xin tự cảm thấy xấu hổ, vì không có tài vật để cho nên tâm sanh sầu não. Này thiện nam! Hoặc có bậc hạ thường bị

Hiền Thánh quở trách; bậc trung thường được Hiền Thánh thương yêu; bậc thường Hiền Thánh nhìn thấy thì khởi tâm hoan hỷ.

Này thiện nam! Người trí thực hành bố thí, là vì lợi ích người khác, biết của cải là vô thường; vì muốn chúng sanh khởi tâm vui mừng, vì thương yêu mọi người; vì muốn trừ lòng bần sần; không cầu phước báo đời sau; vì muốn trang nghiêm đạo Bồ-đề. Cho nên Bồ-tát bố thí tất cả rồi, thì không sanh tâm ăn năn, không lo tài vật hết, không xem nhẹ tài vật, không xem thường bản thân, không đoán thời tiết, không quán người xin, thường nhớ đến người ăn xin, như khi đói nghĩ đến món ăn; gần gũi bạn lành, học hỏi chánh pháp, thấy người ăn xin đến, tâm sanh vui mừng, như nhà bị cháy, đem được tài vật ra, vui mừng, khen ngợi; cho tài vật có nhiều tội lỗi, bố thí xong rồi, liền sanh vui mừng, như gửi của cho người lành; lại còn nói với người ăn xin: “ Ông đúng thật là người đã trợ duyên cho tôi được công đức; nay tôi được xa lìa tâm tham lam, đều nhờ ông đến xin. Có nghĩa là đối với người đến xin, luôn đem lòng thương mến; đã bố thí cho người ăn xin rồi, lại còn dạy cho họ, phải đúng như pháp giữ gìn, siêng năng tu hạnh cúng dường Phật, Pháp và Tăng. Bồ-tát như vậy là thích hành bố thí, và nhờ đó mà xa lìa mọi buồn lung; mặc dù đem thân mình ra bố thí cho người đến xin, nhưng không bao giờ sanh một niệm ác; nhờ vậy mà được tăng trưởng Từ-bi, Hỷ-xả; không khinh người nhận, không tự cao, hay tự vui mừng là ta có tài vật cân xứng với người muốn xin; tăng trưởng lòng tin, không nghi ngờ nghiệp quả.

Này thiện nam! Nếu có thể quán tài vật là vô thường, quán các chúng sanh như là con một của mình; người như vậy, mới có thể bố thí cho người đến xin. Này thiện nam! Người ấy như vậy sẽ không còn phiền não làm chuyển động, vững như núi Tu di gió không thể lay động. Người như vậy, mới có thể làm chỗ quay nương tựa cho các chúng sanh, người như vậy mới đầy đủ bố thí Ba-la-mật.

Này thiện nam! Người trí có bốn điều, nên thích bố thí: 1. Nhờ bố thí mà phá trừ phiền não. 2. Nhờ bố thí mà phát được nhiều thệ nguyện. 3. Nhờ bố thí được thọ hưởng an lạc. 4. Nhờ bố thí được nhiều tài vật quý báu.

Này thiện nam! Tâm không tham lam cũng gọi là bố thí. Vậy thế nào là không tham lam? Bố thí là sự nghiệp, tài vật được tạo nên từ sự nghiệp, nghiệp làm ra đầy đủ tài vật rồi đem ra bố thí, nên gọi là không tham. Thế nào là nhờ sự bố thí mà phá trừ phiền não? Nghĩa là khi đã thực hành bố thí, thì phá trừ được keo kiệt, tham lam, ganh ghét, giận

dữ, ngu si. Thế nào là nhờ bố thí phát được nhiều thệ nguyện? Nghĩa là nhờ bố thí nên mới có thể phát được nhiều thệ nguyện thiện hoặc ác. v.v... do nguyện thiện ác, mà được quả thiện ác. Vì sao? Vì lực của thệ nguyện. Thế nào là bố thí mà được an lạc? Nhờ vào bố thí mà hưởng được cảnh an lạc ở cõi Trời, người cho đến cảnh an vui vô thượng. Thế nào là do bố thí được nhiều tài sản? Nhờ bố thí nên mong cầu vàng, bạc, cho đến súc sinh cũng đều được như ý.

Này thiện nam! Người ưa bố thí tức phá trừ được năm pháp xấu ác: Tà kiến. Không có niềm tin. Buông lung. Tham lam, keo kiệt. Sân hận, si mê. Tâm đã lìa ác rồi, thì khởi sanh vui mừng, nhờ sự vui mừng, nên dần dần đến chân chánh giải thoát; người như vậy hiện tại được bốn phước báo: 1. Mọi người đều thích nhìn, cho đến kẻ oán thù cũng ưa nhìn thấy. 2. Tiếng tốt vang xa. 3. Lúc vào chỗ đông người không khiếp sợ. 4. Tất cả người hiền ưa đến kết bạn.

Này thiện nam! Người nào tu bố thí rồi; mà tâm không hối hận, người như vậy nếu bị người đời nã hại, phải đoạ vào địa ngục, dù ở chỗ xấu ác, nhưng người ấy không bao giờ đói khát. Cũng do nhân duyên đó, mà xa lìa được hai sự khổ: Nỗi khổ phải nuốt viên sắt. Nỗi khổ uống nước đồng sôi. Nếu bị làm thân súc sanh, thì thực phẩm ăn uống đều dễ tìm, không thiếu kém. Nếu làm ngựa quỳ không bị đói khát, thường được no đủ. Nếu được làm người sống lâu, xinh đẹp, mạnh khỏe, an vui, có biện tài, tín tâm giữ giới, học rộng nghe nhiều, trí tuệ hơn người, dù sanh vào đời hung ác cũng không làm việc bất thiện, sanh vào đời pháp ác, quyết không thọ chịu, đối với chỗ khiếp sợ, không sanh lo sợ. Nếu sanh lên cõi trời được mười việc thù thắng.

Này thiện nam! Người trí do hai việc mà hành bố thí: Điều phục tự tâm. Làm tan lòng giận dữ của kẻ khác, Như Lai nhờ đó mà được gọi là đấng Vô Thượng Tôn.

Này thiện nam! Người trí hành bố thí rồi, không mong cầu người nhận khởi tâm yêu mến, nhớ nghĩ không mong cầu danh tiếng, không bị khiếp sợ, không mong cầu người hiền thấy để kết làm bạn thân, cũng không mong cầu phước báo ở cõi Trời, Người, mà luôn soi xét đến hai điều: Đem của không chơn thật đổi lấy của chơn thật. Quyết không làm theo tâm tánh tham lam. Vì sao? Vì đối với tài vật khi ta chết đi không đem theo được, vì thế tự tay mình đem ra bố thí, mà khởi tâm an vui.

Này thiện nam! Người bố thí, trước tiên nên thử tâm mình, đem tài vật bên ngoài bố thí, biết tâm đã điều phục rồi, sau đó mới đem vật trong thân bố thí, nhờ hai sự bố thí ấy mà được hai pháp: Xa lìa ba cõi,

được giải thoát chơn chánh.

Này thiện nam! Như người đi xa mang vật nặng, nên rất khổ cực, nếu bỏ bớt đi, thì được vui mừng. Người bố thí thấy người đến xin, thì lấy của ra cho, tâm sanh vui mừng vì cũng giống như vậy.

Này thiện nam! Người trí thường suy nghĩ: Muốn tài vật theo mãi bên ta đến đời sau, sao trước chẳng bố thí. Với lại quán sát cái khổ của người bần cùng, cái sung sướng của người giàu có, cho nên chuyên tâm ưa thực hành bố thí.

Này thiện nam! Nếu có người, có tài sản thấy người đến xin, liền nói tôi không có, hay tôi đang đau khổ, thì nên biết người ấy, đã nói những lời bạc đức, nghèo cùng ở đời sau, người như vậy gọi là buông lung.

Này thiện nam! Người không có tài vật, tự nói tôi không có. Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì tất cả nước, cỏ cây ngoài đồng ai lại chẳng có, dù là vị quốc vương chưa chắc thí được. Dù nghèo khổ nhưng không phải không thí được. Người nghèo cũng có ăn uống, ăn rồi rửa chén bát, để nước lãng cặn thí cho loài khác ăn, cũng được phước báo. Nếu đem một ít bột nhỏ như hạt bụi thí cho loài kiến cũng được phước báo vô lượng. Trong thiên hạ, những người nghèo khổ, ai lại không có một ít bột nhỏ như hạt bụi? Có ai một ngày không ăn ba vắt cơm, để nuôi được thân mạng, do vậy các người nên đem nửa phần ăn bố thí cho người đến xin.

Này thiện nam! Những người nghèo khổ, có ai đến nổi, ở trần không có quần áo? Nếu có áo quần, sao lại không có một cái khăn để người ta buộc ghềnh hay miêng vải bằng ngón tay để làm tim đèn.

Này thiện nam! Trong thiên hạ, có ai nghèo khổ đến nổi không có thân thể, nếu có thân thấy người làm phước, đến đó giúp đỡ, vui mừng không chán nản, cũng gọi là thí chủ, cũng được phước đức, có lúc được một phần, hoặc có khi bằng nhau, hoặc có khi nhiều hơn. Do nhân duyên như vậy, nên khi nhận sự cúng dường của vua Ba Tư Nặc, Như Lai cũng chú nguyện: Dù là cho vua hay cho người làm, thì phước vẫn như nhau, không có sai khác.

Này thiện nam! Như người mua hương: Nào hương xoa, hương bột, hương rời, hương đốt, bốn loại hương như vậy, người làm, người mua, người cân lường.v.v... đều nghe mùi thơm không khác, mà các loại hương mùi thơm của nó không hao giảm chút nào. Tu hạnh bố thí công đức nó cũng như vậy. Dù nhiều ít, lớn nhỏ, nếu tâm tùy hỷ, đi đến để giúp cho, hoặc ở xa chỉ nghe thấy mà tâm sanh đồng ý vui mừng, thì

phước báo không có sai khác, vì tâm đều giống nhau.

Này thiện nam! Nếu không có tài vật, mà thấy người khác bố thí lại sanh, tâm không tin tưởng, nghi ngờ bậc phước điền, ấy là người bần cùng. Nếu có nhiều tài sản, tự tại vô ngại, có phước điền cao quý, nhưng lại không có tín tâm, không thể dâng cúng, cũng gọi là bần cùng. Do vậy, người trí tùy có nhiều hay ít cứ đem ra bố thí, trừ sự bố thí ra, không có việc gì mà được cảnh an vui cõi Trời, Người và cảnh an vui vô thượng. Do vậy, trong kệ kinh Như Lai nói: Người trí tự quán: Một vắt cơm, để ăn thì ta sống, đem bố thí thì ta chết, vậy mà cũng đem ra bố thí, hưởng gì có nhiều tài vật?

Này thiện nam! Người trí nên quán tài vật là vô thường, do vô thường, mà tài vật tổn thất, hao giảm, không được lợi ích, gì trong vô lượng đời sống dù là vô thường, mà biết đem ra bố thí thì lại được nhiều lợi ích. Vậy vì sao ta nay tham tiếc không đem ra bố thí? Người trí soi xét thế gian, có người giữ giới, học rộng nghe nhiều, nhờ sức lực giữ giới, học rộng nghe nhiều mà được quả vị A-la-hán, dù được quả vị ấy rồi mà không thể ngăn được nỗi khổ đói khát. Nếu vị A-la-hán khó có được phòng xá, y phục, thực phẩm ăn uống, ngoạ cụ, thuốc men, đều là do kiếp trước không tạo duyên bố thí, Người phá giới nếu ưa bố thí thì dù đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ cũng thường được no đủ.

Này thiện nam! Trừ pháp bố thí ra, không có hành phước gì mà cùng được hai quả: Tự tại và Giải thoát. Nếu người giữ giới, dù được sanh lên cõi Trời, mà không tu bố thí, cũng không được thức ăn ngon quý nhất, chuỗi ngọc vi diệu. Nếu người muốn cầu an lạc giữa thế gian và sự an vui vô thượng, phải thích bố thí. Người trí nên soi xét sanh tử không giới hạn, thì sự thọ hưởng an vui, cũng như vậy. Do đó, vì đoạn trừ sanh tử mà bố thí, chứ không mong cầu hưởng an lạc, hoặc soi xét thế này: Mặc dù giàu có khắp bốn châu thiên hạ, hưởng nhiều an vui cũng không biết đủ, cho nên ta vì quả an vui vô thượng mà hành bố thí, không vì cảnh vui Trời, Người. Tại sao? Vì tất cả đều là vô thường, có giới hạn.

Này thiện nam! Nếu có thuyết nói: Người cho, người thọ nhận và người hưởng an vui, cũng đều là năm ấm cả, năm ấm như vậy tức là vô thường, xả thí cho năm ấm ai là người cho, ai là kẻ thọ nhận? Mà quả lành thì không diệt. Cho nên không có người cho, không có người thọ nhận. Nên hỏi lại họ: Như vậy là có người thí và có người thọ nhận sao? Nếu nói thí tức là người bố thí, thọ nhận tức là ngã. Lại nên nói: Ta cũng như vậy, thí tức là người thí, ngã tức là năm ấm, nếu nói thí cho

năm ấm, mà cỗi này vô thường, thì ai ở cỗi đó mà lãnh thọ? Ông hãy chú ý lắng nghe, Như Lai sẽ giải bày cho: Hạt giống là vô thường hay là thường? Nếu nói thường, vì sao hạt giống diệt mà sanh mầm, nếu thấy vậy là lỗi lại nói là vô thường. Lại bảo với họ: Nếu vô thường, lúc hạt giống tiếp xúc với nước, đất, nhân công.v.v...làm thế nào, cái mầm kia được lớn lên? Nếu nói, hạt giống dù vô thường, nhưng nhờ sự tác động, nên được kết quả sanh mầm. Vậy thì nên nói năm ấm cũng là như thế. Nếu nói trong hạt giống trước đã có mầm, công nhân, nước, phân chỉ làm liễu nhân. Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì hiểu rõ nhân đối với cảnh vật không tăng không giảm, nhiều vẫn là nhiều, ít vẫn là ít, mà nay nước, phân, mầm tăng trưởng, thế nên trước không, nay có. Nếu nói hiểu rõ nhân thì có hai: Nhiều và Ít. Nhiều tức là thấy lớn, ít tức là thấy nhỏ, cũng như đốt đèn, ánh sáng lớn thấy nhiều sự vật, ánh sáng nhỏ thấy được ít. Nghĩa này cũng không đúng. Vì sao? Vì cũng như một hạt giống, phần nhiều cùng với nước, phân, không thể một giờ, một ngày mà lớn lên được; có người đồng, người hơn. Nếu nói rõ nhân chỉ có hai thứ, nhưng cần đợi thời tiết, vật ít hiển bày ít, vật nhiều hiển bày nhiều, như vậy tôi nói không tăng không giảm. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì theo giáo pháp của ông, lúc nào cùng thường, vì thế không nên nói như vậy.

Này thiện nam! Hạt giống khác, mầm khác, dù hình thức trước và sau khác nhau, nhưng tương tự không gián đoạn, năm ấm cũng vậy.

Này thiện nam! Như hạt giống phát triển thành mầm, mầm lớn dần thành cây, cây sanh trưởng ra lá, ra hoa, hoa kết tụ thành quả, năm ấm của một đường tăng dần, năm ấm của năm đường cũng như vậy. Nếu nói người này làm, người khác hưởng thọ; nghĩa ấy chủ trương của ông, không phải ta nói, vì như trong giáo pháp của ông, tác giả là ngã, thọ giả là thân, mà không nói là người này làm người khác hưởng thọ! Chẳng hạn người thọ giới, không sát sanh, tức là ngã, vì nhờ nhân duyên ấy, nên được thân tốt đẹp, vì thế pháp của ông có lỗi, người hưởng thọ không do nhân, người tạo nhân không có kết quả. Nếu nói ngã làm, thân thọ, thì ngã cũng như vậy, ở đây làm, bên kia thọ. Hoặc nên hỏi lại thân và ngã của ông có khác nhau? Thân hưởng thọ ăn uống, mặc áo quần, đeo chuỗi ngọc, nhờ ăn uống các thức ăn ngon mà được xinh đẹp, mạnh khỏe; nếu các thức ăn không ngon, thì không được xinh đẹp, ốm yếu. Xinh đẹp hay xấu xí nếu phụ thuộc vào nhân duyên, thì ngã sẽ được vào chỗ nào? Nếu nói, ngã được u buồn hay vui mừng, thì tại sao không phải người này làm, người khác thọ hưởng. Ví như người

có nhiều sức lực, do uống tô, lạc, người ấy uống lâu ngày, nên thân thể được mạnh khoẻ, xinh đẹp, lại có người yếu ốm, thấy người kia uống tô, lạc, liền sanh vui mừng, thì được xinh đẹp, mạnh khoẻ sao? Nếu nói không, thì ngã cũng như vậy, thân tạo ra mọi việc, tại sao ngã thọ hưởng? Vì không tương tự như nhau. Trong pháp của Như Lai không như vậy. Năm ấm tạo tác, năm ấm thọ hưởng tương tự, không có gián đoạn.

Này thiện nam! Nếu nói năm ấm là vô thường, thì ở cõi này, không đến cõi kia, vẫn hưởng được thọ báo. Nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao? Vì trong giáo pháp của Như lai, nếu có làm tức có hưởng, hoặc có trường hợp người này làm, người khác thọ hưởng, không làm, không có sự thọ hưởng, có làm có thọ hưởng, năm Ấm tạo tác, năm Ấm lãnh thọ, người này làm, người khác thọ hưởng, ở cõi người làm ở cõi trời thọ hưởng, không làm không có sự thọ hưởng. Nhờ nhân duyên tạo tác và hoà hợp nên mới có, chứ vốn không có tự tánh thì làm gì có sự tạo tác và thọ hưởng? Ý ông nếu cho người này làm, người khác thọ hưởng, tại sao lại nói là liên tục không gián đoạn. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì pha thuốc độc vào sữa, đến khi thành đề hồ cũng có thể giết người được, lúc là sữa khác, lúc là đề hồ cũng khác, tuy là có khác, nhưng tương tự sanh không gián đoạn, nên có thể giết người. Năm ấm cũng vậy, mặc dù có khác, nhưng thứ lớp tương tự sanh không đoạn diệt, do đó có thể nói. Người này làm, người khác thọ hưởng, có làm có thọ hưởng, không làm không thọ hưởng. Nghĩa là nếu lìa năm ấm, thì không có ngã và ngã sở, tất cả chúng sanh do điên đảo che mờ tâm tánh. Hoặc nói Sắc tức là Ngã, cho đến Thức tức là Ngã. Hoặc cũng có thuyết nói, Sắc tức là Ngã, còn lại bốn Ấm là ngã sở, cho đến Thức cũng như vậy. Hoặc có thuyết nói, lìa riêng năm ấm ra, sẽ có ngã, việc ấy không thể có! Vì sao? Vì ngã ở trong pháp của Phật, thì sắc không phải là ngã. Vì sao? Vì Sắc là vô thường, không tạo tác, không tự tại, do vậy, bốn ấm không được gọi là Ngã sở, cho đến Thức cũng vậy. Nhiều duyên hoà hợp lại, mới sanh ra một pháp khác, gọi là tạo tác, nhưng thật ra, không tạo tác gì khác! Các duyên hoà hợp mà sanh ra pháp khác, gọi là thọ, nhưng thật ra chẳng thọ gì khác! Đó gọi là không làm không thọ hưởng. Nếu ông cho rằng, người này làm người khác thọ hưởng, tại sao người này tạo nghiệp, người khác không được thọ? Mà đều có đủ năm ấm, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì “Khác” có hai thứ: 1. Là Thân khác. 2. Là Tên khác. 1. Là Phật Đắc, 2. Là Thiên Đắc. Phật Đắc hay Thiên Đắc, thân và tên đều khác nhau, đó là nhân duyên của thân khẩu mới

khác. Thân khẩu khác nên nghiệp tạo ra cũng khác. Từ sự tạo nghiệp có sai khác, nên đời sống, sắc, lực, an vui hay biện tài cũng khác nhau, vì thế, không phải Phật Đắc tạo nghiệp, Thiên Đắc thọ quả. Mặc dù cũng cùng năm ấm, Danh và Sắc là một, nhưng Thọ và Tưởng lại hành động khác: Phật Đắc hưởng an vui, Thiên Đắc thì chịu khổ cực, Phật Đắc khởi tham lam, Thiên Đắc khởi giận dữ, vì thế không được gọi là tương tự. Sắc và Danh tuy là một, nhưng thật ra có khác, hoặc có trường hợp Phật Đắc màu trắng, Thiên Đắc màu đen. Nếu cái tên đồng một nghĩa, thì khi một người sanh ra, tất cả các người khác cũng sanh ra, một người chết, thì tất cả các người khác cũng chết. Nếu ông không chấp nhận như vậy, thì không được nói người này làm người khác thọ hưởng. Nếu ý ông cho cũng có trường hợp người này làm người khác thọ hưởng, thì tôi cũng cho như vậy, là có trường hợp người này làm người khác thọ hưởng. Nếu cho người này làm thì người khác thọ hưởng, tức cùng lỗi với tôi. Tại sao không thấy lỗi của mình, mà chỉ trích lỗi người khác? Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nghĩa về khác của tôi, có hai: Tuần tự sanh, cũng tuần tự diệt. Tuần tự sanh nhưng không tuần tự diệt. Vì sanh có khác, nên diệt cũng có khác. Do vậy, Ta nói người này làm người khác thọ hưởng, đây làm kia thọ, không đồng lỗi với ông. Ví như có người muốn đốt làng, ngay trong đồng cỏ khô, ném một que lửa, lửa từ đó cháy lan ra khắp, đến cả trăm dặm, hai trăm dặm. Ông thôn trưởng tìm bắt được thủ phạm, liền tra khảo: “Người là người tàn ác, tại sao đốt cháy cả làng của chúng ta?” Thủ phạm trả lời: “Sự thật không phải tôi đốt, tôi đã ném que lửa chỉ cháy tàn và chỗ tôi đốt, chỉ có một đồng rác nhỏ, tôi nay bồi thường lại cho đồng rác nhỏ, còn bao nhiêu vật khác, tôi không bồi thường.” Khi ấy, người thôn trưởng nói: “Người ngu! Do một chút ít lửa của ông, nên dần dần sanh ra nhiều lửa khác, đốt cả trăm dặm, hai trăm dặm đều là do đóm lửa của ông sao không chịu bồi thường? Dù biết lửa kia có khác, khi mới bắt đầu cháy cũng có khác, nhưng vì nối tiếp không gián đoạn, nên ông phải có tội.” Năm ấm của nghiệp lành hay dữ, cũng là như vậy. Khi thọ lãnh quả báo dù nói năm ấm, không tạo tác, nhưng dần dần tiếp tục sanh, cho nên có thọ báo. Ví như có người cùng với một người khác cầm đuốc, thách cầm đuốc đi xa đến một trăm dặm, nếu không đến ta sẽ thua ông, còn như đến ông sẽ thua ta. Người cầm đuốc đi đến trăm dặm rồi, liền đến người kia đòi tài vật. Người kia liền nói: Đuốc ông phát ra dấu tích đã diệt, tại sao ở chỗ này theo ta đòi tài vật? Người cầm đuốc trả lời: Lửa kia mặc dù đã diệt, nhưng thứ lớp nối tiếp nhau cháy đến chỗ này. Hai người nói vậy đều

có lý cả. Vì sao? Vì nghĩa đúng như vậy. Có làm có thọ hưởng, người này làm người khác thọ, đều không có lỗi. Nếu có thuyết nói: Năm ấm cũng vậy. Người này làm người khác thọ hưởng, đều không có lỗi, ví như hai bên bờ và giữa dòng, gọi chung là sông Hằng, khi mùa hè, thì hai bên bờ cách nhau rất xa, khi mùa thu đến hai bờ gần lại. Định tướng của nó là vô thường khi lớn khi nhỏ, dù có tăng có giảm nhưng mọi người đều cho là con sông. Hoặc có thuyết nói: Đây không phải là sông”, người trí cũng nói: Có “khác” và “không khác”. Năm ấm cũng vậy. Người trí cũng nói “ Có làm có thọ hưởng. Làm khác thọ hưởng khác”. Ý ông nếu cho hai bờ là đất, giữa dòng là nước, thân sông là sông, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu thân sông là sông, thì tại sao lại nói sông trong sông đục, có bờ bên này, có bờ bên kia, giữa dòng có cạn, có sâu, đến nơi biển cả có thể đo được hay không đo được. Thí như có cây tức có thân ở, nếu như không có cây, thân ở đâu? Sông và thân cũng là như vậy, cho nên hai bờ và giữa dòng thứ lớp không có gián đoạn, đều gọi chung là sông, do vậy, có thể nói: Năm ấm hay là khác năm ấm, cũng vậy. Ví như có người chửi mắng, làm nhục người quyền quý, do nói lời thô ác ấy, mà chân bị xiềng xích! Chân thật ra không nói lời thô ác, mà lại bị gông xiềng, cho nên không được quyết định nói là “Dị tác Dị thọ, Tức tác Tức thọ”. Chỉ người có trí mới có thể nói “Dị tác Dị thọ, Tức tác Tức thọ”. Thí như bình đựng dầu, tim, lửa, nhân công những nhân duyên đó hoà hợp lại mới gọi là đèn sáng. Ý ông nếu cho đèn sáng là có tăng có giảm, nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì đã giảm thì không tăng, tăng thì không giảm, do có thứ lớp sanh, nên nói đèn có tăng, giảm. Ý ông nếu cho đèn là vô thường, dầu tức là thường, dầu nhiều sáng nhiều, dầu ít sáng ít, thì nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao? Vì dầu là vô thường, nên có hết, có cháy, nếu như dầu là thường, thì hai niệm sẽ dừng lại, mà hai niệm dừng lại, thì cái gì cháy và cái gì hết? Do vậy, người trí cũng nói, đèn sáng tức là khác, năm ấm cũng vậy. Ánh sáng tức là sáu nhập, dầu tức là nghiệp, vì nhân duyên của các nghiệp, nên năm ấm có tăng, có giảm, có kia, có đây. Như có người nói về lời của A-đề-da, câu nói A-đề-da đã qua lâu lắm rồi ngày nay không còn, người đời tương truyền nhau nói, không bao giờ diệt, cho nên vẫn được gọi là lời của A-đề-da. Người trí cũng nói đó là lời của A-đề-da hay chẳng phải là lời của A-đề-da, mặc dù có nghĩa phải và không phải, nhưng đều không có lỗi, năm ấm cũng vậy, cũng có thể nói Tức tác Tức thọ, Dị tác Dị thọ. Có người rất giàu không có con cháu truyền thừa, khi đã chết rồi, tài sản sẽ nhập vào của công, nhưng rồi có

người nói: “ Tài sản ấy thuộc về tôi”. Nhà chức trách bảo: “ Tài sản ấy, của người khác làm ra tại sao thuộc về ông?” Người ấy nói: “ Tôi là con cháu bảy đời của người chết, kế tiếp không đoạn tuyệt, tại sao tài sản ấy không thuộc về tôi?” Nhà chức trách liền nói: Đúng vậy, đúng vậy! Của này thuộc về ông. Người trí nói, năm ấm cũng vậy, Tức tác Tức thọ, Dị tác Dị thọ. Ý ông nếu cho năm ấm tạo nghiệp, khi đã thành rồi liền diệt, mà thân vẫn còn, nghiệp không có chỗ nương tựa. Nghiệp mà không có chỗ nương tựa, tức là không có nghiệp, khi bỏ thân này rồi, lấy cái gì mà chịu quả báo, nên nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì tất cả nghiệp quá khứ đều chờ đợi thể, chờ đợi thời, ví như hạt quýt, nhân nơi cây quýt mà sinh, rồi dần dần qua lại tạo ra vị ngọt. Người ta muốn trái quýt, nên đem hạt trồng. Hạt, cây, cành, lá, hoa sinh ra quả đều chưa tạo được vị, đến khi quả chín muối vị mới phát ra. Như vậy mùi vị chẳng phải trước không, nay mới có, cũng không phải không có nhân duyên, mà do trái quýt mùa trước. Nghiệp của thân, khẩu, ý cũng như vậy. Nếu nói vậy, thì nghiệp trụ vào chỗ nào? Nghiệp ở trong đời quá khứ, đợi đúng thời gian, thân thể mới thọ quả báo, như người uống thuốc, phải trải qua một thời gian, thuốc tuy đã tan biến, nhưng cũng đợi đến lúc tốt mới phát huy sức mạnh. Nghiệp của thân, khẩu, ý cũng như vậy. Mặc dù quá khứ đã diệt, nhưng đến thời vẫn phải thọ quả báo. Ví như trẻ nhỏ, ban đầu học tập, dù niệm niệm diệt, không có chỗ đứng lại, nhưng đến khi trăm tuổi, cái học cũng không mất. Nghiệp ở quá khứ, cũng như vậy, dù không có chỗ trụ, nhưng đến thời là tự thọ quả báo. Vì thế nên nói: Chẳng phải năm Ấm tạo, năm ấm thọ, lại cũng không được cho chẳng phải năm Ấm thọ. Nếu có thể hiểu rõ ràng, thông đạt hết những việc này, thì người ấy sẽ được quả vị Vô thượng.

